

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 06-4-2021.

V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Đào Nữ Ngọc Lan

***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông: Trần Duy Hiếu

Bà: Chế Thị Hồng Cẩm

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Kim Liệu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang*** tham gia phiên tòa:  
***Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.***

Ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Néang Kim H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Tổ 01, ấp N, xã A, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh Chau H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 06, ấp T, xã L, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. ***Phiên dịch tiếng Khmer:*** Ông Chau S, cán bộ trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang – Chi nhánh số 02 huyện Tri Tôn (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn ngày 10-12-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Néang Kim H trình bày: Chị và anh Chau H1 được sự mai mối từ gia đình nên vào khoảng tháng 3/2011 chị cùng anh Chau H1 đã tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp nhau, nên chị đã quay về nhà mẹ ruột tại ấp Ninh Lợi, xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh

An Giang từ năm 2011 đến nay. Chị và anh Chau H1 chưa chung sống vợ chồng ngày nào. Từ đó đến nay chị và anh Chau H1 không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay nhận thấy chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng cùng anh Chau H, chị Néang Kim H xin ly hôn với anh Chau H1.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Chau H1 trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị Néang Kim H như chị H trình bày, anh và chị H do mai mối từ gia đình nên vào năm 2011 anh và chị H tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng không hợp nhau, nên chị H đã quay về nhà mẹ ruột để sinh sống từ năm 2011 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không thể tiếp tục, chị Néang Kim H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Néang Kim H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Chau H1; về con chung: không có; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa bị đơn anh Chau H1 cũng đồng ý ly hôn; anh và chị không có con chung; tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Dương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 BLTTDS. Tại phiên tòa, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Chị H và anh Chau H1 được cha mẹ mai mối nên đồng ý tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn ngày 31/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã An Túc. Sau khi kết hôn, hai bên nhận thấy tính tình không phù hợp nên không chung sống, chị Hane đã trở về nhà cha mẹ ruột tại xã An Túc sinh sống cho đến nay, trong khoảng thời gian này anh, chị cũng không gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm. Nhận

thấy, anh, chị không có tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên cũng thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị Hane là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Chau H1 cư trú tại ấp Tà Miệt, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Chau H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với anh Chau H1.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Néang Kim H và anh Chau H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên giữa anh và chị sau khi kết hôn, do tính tính không hợp nên chị Hane đã quay về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2011, từ đó đến nay hai anh và chị cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị Néang Kim H xin ly hôn anh Chau H1 cũng đồng ý ly hôn.

Theo lời khai của ông Chau H1 là cha ruột của anh Chau H1 xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Chau H1 và chị Neang Kim H không hòa hợp, nên sau khi kết hôn chị Hane đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2011 cho đến nay, giữa chị H và anh Chau H1 chưa chung sống vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, tuy nhiên giữa chị Néang Kim H và anh Chau H1 không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị Néang Kim H về việc yêu cầu ly hôn với anh Chau H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Néang Kim H và anh Chau H1, khai không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Néang Kim H là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị Hane phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng Điều 14, Điều 56, của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Néang Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Néang Kim H được ly hôn với anh Chau H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 31 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã An Tức, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000654 ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Nữ Ngọc Lan**